

Luật thuế tài nguyên

GV Trần Quang Vũ

Khái niệm thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên là một khoản thu bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên, không phụ thuộc vào cách thức tổ chức và hiệu quả SXKD của người khai thác.



Thuế tài nguyên là một loại thuế gián thu thu vào hoạt động khai thác tài nguyên thuộc tài sản quốc gia của các tổ chức, cá nhân khai thác nhằm khuyến khích việc khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đất nước, đảm bảo cho NSNN có nguồn thu để bảo vệ, tái tạo tìm kiếm, thăm dò tài nguyên.

Đặc điểm của thuế tài nguyên



① Là thuế gián thu

② Chỉ đánh vào hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên

③ Mức thu dựa vào mức độ quý hiếm của tài nguyên

Vai trò của thuế tài nguyên



1 Bổ sung nguồn thu vào NSNN

2 Sử dụng tài nguyên theo hướng tiết kiệm, hiệu quả

3 Tạo sự công bằng giữa các đơn vị khai thác TN

Luật thuế tài nguyên

Chương 1: Quy định chung

Chương 2: Căn cứ tính thuế

Chương 3: Kê khai, nộp thuế, miễn giảm thuế

Chương 4: Điều khoản thí hành

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh



1 Đối tượng chịu thuế



2 Người nộp thuế



3 Căn cứ tính thuế

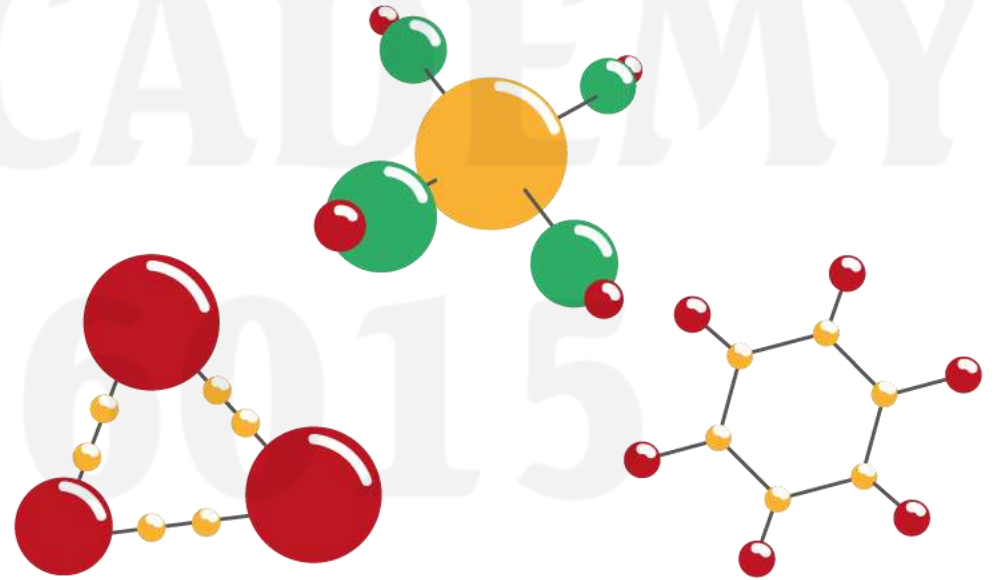


4 Kê khai, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế

Điều 2: Đối tượng chịu thuế



① Khoáng sản kim loại



② Khoáng sản không kim loại

Điều 2: Đối tượng chịu thuế



3 Dầu thô



4 Khí thiên nhiên, khí than

Điều 2: Đối tượng chịu thuế



5 Sản phẩm của rừng tự nhiên, trừ động vật



6 Hải sản tự nhiên, bao gồm động vật và thực vật biển

Điều 2: Đối tượng chịu thuế



- 7) Nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt và nước dưới đất



- 8) Yến sào thiên nhiên

Điều 3: Người nộp thuế



1 Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên



2 DN khai thác tài nguyên được thành lập trên cơ sở liên doanh thì DN liên doanh là người nộp thuế

Điều 3: Người nộp thuế



- 3 Bên Việt Nam và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài nguyên thì trách nhiệm nộp thuế của các bên phải được xác định cụ thể trong hợp đồng hợp tác kinh doanh;

Điều 3: Người nộp thuế



- 4 Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp thuế.

Điều 4. Căn cứ tính thuế



**Sản lượng tài nguyên
tính thuế**



Giá tính thuế

% =

Thuế suất



Số tiền thuế

Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

1 Trường hợp 1:

Tài nguyên *Đã xác định được*

Số lượng

Trọng lượng

Khối lượng

Tài nguyên tính thuế là

Số lượng

Trọng lượng

Khối lượng

*Thực tế
khai thác
trong kỳ*

Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

2 Trường hợp 2:

Tài nguyên *CHƯA* xác định được

Số lượng

Trọng lượng

Khối lượng

Tài nguyên tính thuế là

Số lượng

Trọng lượng

Khối lượng

Sau khi
sản xuất,
phân loại

Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

3 Trường hợp 3:

Tài nguyên không bán
mà đưa vào sản xuất



Sản lượng
tính thuế



Sản lượng
sản phẩm sản xuất

×

Định mức sử dụng
tài nguyên



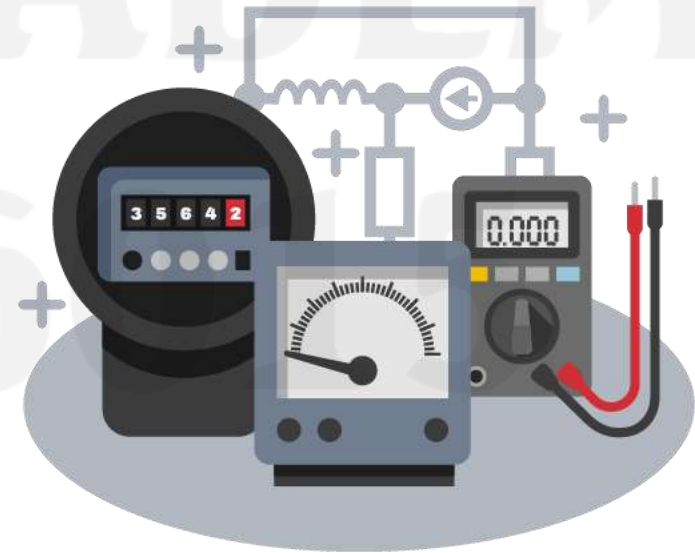
Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

4 Trường hợp 4:

Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện



Sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng điện



Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

5 Trường hợp 5:

Nước thiên nhiên dùng cho
dùng cho mục đích công nghiệp



Sản lượng tài nguyên tính thuế
được xác định bằng mét khối
(m³) hoặc lít (l)

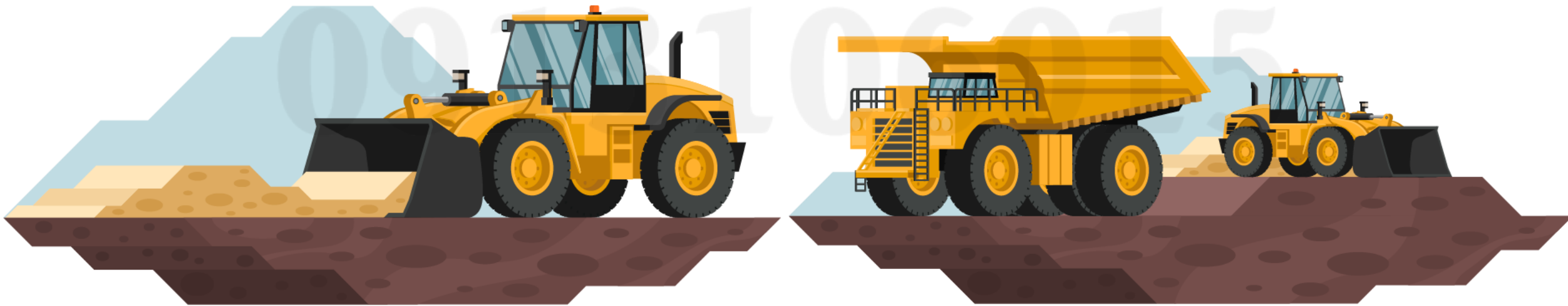


Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

6 Trường hợp 6:

Tài nguyên khai thác thủ công, phân tán hoặc khai thác lưu động, không thường xuyên có giá trị dưới 200.000.000 đồng

Thực hiện khoán sản lượng tài nguyên khai thác theo mùa vụ hoặc định kỳ để tính thuế



SAIGON ACADEMY

Đăng ký học để xem FULL bài giảng

0913106015